

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH X**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thúy Phương

Bà Chế Thị Hồng Cẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hữu H, sinh năm 1976 ; nơi cư trú: tổ 07, ấp Kiên Sơn, xã Kiên Bình, huyện B, tỉnh K (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 04, ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện N, tỉnh X (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 19 tháng 6 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ông Lê Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1989 qua tìm hiểu nhau, chúng tôi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2000 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cảm thấy không thể chung sống với nhau được

nữa, vợ chồng ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Ông Lê Hữu H yêu cầu ly hôn với Bà Phạm Thị T.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 21/10/1989 và Lê Thị Hồng Loan, sinh ngày 11/6/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Phạm Thị T trình bày: Thống nhất theo ý kiến của Ông H về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cảm thấy không thể chung sống với nhau được nữa, vợ chồng không còn tình cảm nên đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Nay Ông Lê Hữu H yêu cầu ly hôn, Bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 21/10/1989 và Lê Thị Hồng Loan, sinh ngày 11/6/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Ông H và Bà T đều xin vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Hữu H, Bà Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bà Phạm Thị T có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện N, TỈNH X. Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Lê Hữu H và Bà Phạm Thị T chung sống với nhau từ năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình cho nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, dù Ông H và Bà T thuận tình ly hôn cũng không được công nhận, mà cần phải căn cứ theo Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận Ông H và Bà T là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 đứa con chung, Lê Thị Hồng Nhung, sinh ngày 21/10/1989 và Lê Thị Hồng Loan, sinh ngày 11/6/1994, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông Lê Hữu H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Bà Phạm Thị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Không công nhận Ông Lê Hữu H và Bà Phạm Thị T là vợ chồng.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Lê Hữu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010165 ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Ông H đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Tòa án nhân dân TỈNH X;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Văn Hùng